**Mẫu số 02**

**MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG NĂM 2017**

**tại đơn vị trực thuộc trực tiếp các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,  
Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

|  |  |
| --- | --- |
| **Stt** | **Câu hỏi** |
|  | Tên đơn vị báo cáo:  ..............................................................................................................................................  Cơ quan chủ quản: …………………………………………………………………………………………….. |
|  | |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Đề nghị thống kê số lượng các hệ thống thông tin do đơn vị quản lý trực tiếp vào bảng sau: | | | | | | | | | Phân loại số lượng HTTT do đơn vị quản lý trực tiếp | Chưa phân loại | Cấp độ 1 | Cấp độ 2 | Cấp độ 3 | Cấp độ 4 | Cấp độ 5 | | Số **HTTT nội bộ đơn vị** (chỉ người trong đơn vị sử dụng) |  |  |  |  |  |  | | Số **HTTT nội bộ dùng chung** (cho nhiều đơn vị trực thuộc cơ quan chủ quản) |  |  |  |  |  |  | | Số **HTTT công cộng** (cung cấp dịch vụ cho cộng đồng vượt quá phạm vi nội bộ như trên) |  |  |  |  |  |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Có bao nhiêu đơn vị (trực thuộc trực tiếp cơ quan chủ quản) sử dụng các HTTT nội bộ dùng chung do Quý đơn vị trực tiếp quản lý? |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Quý đơn vị cung cấp bao nhiêu dịch vụ độc lập (trọn gói) sử dụng cho các đối tượng ngoài cơ quan chủ quản trong cả nước hoặc phục vụ cộng đồng trên mạng Internet? |  | |
|  | |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Đơn vị có ban hành quy chế, quy định riêng hoặc có áp dụng quy chế, quy định chung của cơ quan chủ quản về bảo đảm ATTTM không? Nếu có thì điền nội dung phù hợp vào bảng sau và trả lời thêm câu 6 và câu 7 dưới đây (nếu không có thì để trống) | | | | |  | | **Loại văn bản chính sách ATTTM được đơn vị áp dụng** | **Văn bản hiện hành** | | **Văn bản cũ trước đây đã được thay thế bằng văn bản hiện hành (nếu có)** | |  | | **Năm** | **Số hiệu văn bản** | **Năm** | **Số hiệu văn bản** |  | | Quy định riêng |  |  |  |  |  | | Quy chế chung |  |  |  |  |  | |
|  | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Trong các quy định, quy chế hiện hành về bảo đảm ATTTM của đơn vị có các nội dung sau đây không? | | | | Quản lý thiết kế an toàn hệ thống thông tin |  | | Quản lý phát triển phần mềm thuê khoán |  | | Quản lý thử nghiệm và nghiệm thu hệ thống |  | | Quản lý vận hành an toàn mạng |  | | Quản lý vận hành an toàn máy chủ và ứng dụng |  | | Quản lý an toàn dữ liệu |  | | Quản lý vận hành an toàn thiết bị đầu cuối |  | | Quản lý phòng chống phần mềm độc hại |  | | Quản lý điểm yếu an toàn thông tin |  | | Quản lý giám sát an toàn hệ thống thông tin |  | | Quản lý sự cố an toàn thông tin |  | | Quản lý an toàn người sử dụng đầu cuối |  | | Quy trình đánh giá, quản lý và xử lý rủi ro về ATTT |  | | Quy trình thao tác chuẩn để phản ứng khẩn cấp với các sự cố mất ATTTM |  | |
|  | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Đề nghị tự nhận xét về chất lượng của quy định, quy chế hiện hành so với quy định của pháp luật Việt Nam và nhu cầu của đơn vị đến thời điểm hiện tại (chọn 1 đáp án)? | | | | + Đầy đủ, chặt chẽ, có thể sử dụng ổn trong khoảng 2 năm trở lên |  |  | | | + Tương đối đầy đủ, có thể cần hoàn thiện nhưng sử dụng ổn trong ít nhất 1 năm tới |  |  | | | + Đã thấy có các điểm thiếu hoặc không phù hợp, cần sửa đổi hay bổ sung ngay |  |  | | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Đề nghị tự đánh giá thực tế hiện nay tại đơn vị về mức độ áp dụng thực hiện tốt các quy chế, quy định bảo đảm ATTTM đạt khoảng độ bao nhiêu phần trăm theo thang điểm 100% |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc trong đơn vị |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Tổng số cán bộ lãnh đạo quản lý (cấp đơn vị và cấp phòng/tương đương trực thuộc đơn vị)của đơn vị |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Số người sử dụng máy tính hiện tại trong đơn vị |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Đơn vị có phân công lãnh đạo (cấp đơn vị) phụ trách về ATTTM hay không? |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Đơn vị có tổ chức/bộ phận chuyên trách về ATTTM hay không? (Nếu có trả lời thêm câu 14 dưới đây) |  | |
|  | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Vị trí và quan hệ công tác của bộ phận chuyên trách về ATTTM (có thể lựa chọn nhiều đáp án) | | | | Là bộ phận con thuộc tổ chức phụ trách CNTT của đơn vị |  |  | | | Chịu sự chỉ đạo nghiệp vụ của bộ phận chuyên trách ATTTM của cơ quan chủ quản |  |  | | | Là thành viên thuộc mạng lưới chuyên trách bảo đảm ATTT của quốc gia |  |  | | | Có quy chế phối hợp xử lý sự cố ATTTM với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng |  |  | | | Có quy chế phối hợp xử lý sự cố ATTTM với các tổ chức ATTTM khác. Ví dụ: ………………………………………………………….................. |  |  | | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Tổng số cán bộ làm việc chuyên trách về ATTTM |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Tổng số cán bộ làm việc bán chuyên trách về ATTTM |  | |
|  | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Quản lý nhân sự phù hợp yêu cầu ATTT như thế nào? - Có quy định từng khâu? Thực hiện đầy đủ không? (mỗi cột lựa chọn 1 đáp án) | | | | | **Quản lý nhân sự về ATTT trong từng khâu** | **Tuyển dụng cán bộ ATTT** | **Quản lý quá trình làm việc** | **Chấm dứt, chuyển công việc** | | Chưa có quy định cụ thể |  |  |  | | Có quy định, thực hiện chưa tốt thường xuyên |  |  |  | | Có quy định, thực hiện tốt |  |  |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Tổng số cán bộ nhân viên đã từng được qua lớp đào tạo, tập huấn về ATTTM |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Tổng số cán bộ lãnh đạo quản lý (cấp đơn vị và cấp phòng/tương đương trực thuộc đơn vị) đã từng được đào tạo, tập huấn về quản lý ATTTM |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Tổng số cán bộ kỹ thuật có trình độ tương đương đại học ngành ATTT trở lên |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Tổng số cán bộ kỹ thuật có trình độ tương đương trung cấp về ATTT |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Tổng số chuyên gia chuyên sâu về ATTTM |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Đơn vị có kế hoạch đào tạo, tập huấn riêng về ATTTM trong năm 2017 hay không? |  | |
|  | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Hãy cho biết kết quả đào tạo, tập huấn năm 2017 về ATTTM của đơn vị theo bảng sau: | | |  | | **Số người được đào tạo, tập huấn** | **Theo kế hoạch chung của cấp trên tổ chức** | **Theo kế hoạch riêng của đơn vị** | | Số cán bộ lãnh đạo |  |  | | Số cán bộ, nhân viên chuyên trách ATTTM |  |  | | Số cán bộ, nhân viên khác sử dụng máy tính |  |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Đơn vị có được thụ hưởng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về ATTTM của cấp trên (cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước) trong năm 2017 hay không? |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Quý đơn vị có thực hiện kế hoạch riêng tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về ATTTM trong năm 2017 hay không? |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Số đơn vị trực thuộc cùng cơ quan chủ quản được thụ hưởng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về ATTTM mà quý đơn vị triển khai trong năm 2017 |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Số đơn vị trực thuộc các cơ quan chủ quản khác được thụ hưởng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về ATTTM mà đơn vị triển khai trong năm 2017 |  | |
|  | |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Đơn vị có chủ trương sử dụng dịch vụ thuê hosting hệ thống (thuê ngoài hệ thống máy chủ và lưu trữ cơ sở dữ liệu) do các công ty Việt Nam không có yếu tố nước ngoài cung cấp hay không? | | |  | | | + Không có chủ trương này |  | | + Có chủ trương nhưng chưa có thuê |  |  | | | + Đã thuê dịch vụ của các công ty Việt Nam không có yếu tố nước ngoài |  |  | | |
|  | |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Đơn vị có chủ trương sử dụng dịch vụ thuê hosting hệ thống có yếu tố nước ngoài cung cấp hay sử dụng dịch vụ điện toán đám mây (cloud computing) trên Internet hay không? | | |  | | | + Không có chủ trương này |  | | + Có chủ trương nhưng chưa sử dụng dịch vụ này |  |  | | | + Đã sử dụng dịch vụ này |  |  | | |
|  | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Đơn vị bảo đảm ATTTM thường xuyên bằng cách nào: | | | | | + Hoàn toàn sử dụng nội lực |  |  | | + Sử dụng toàn bộ thuê và hỗ trợ từ bên ngoài |  |  | | + Sử dụng một phần nội lực, một phần lực lượng bên ngoài |  |  | |
|  | |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Đơn vị có tổng chi (bao gồm cả chi ngân sách thường xuyên và dự án đầu tư) cho CNTT trong 3 năm gần đây là bao nhiêu (xTriệu đồng)? | | | | | | **Chi cho CNTT** | **2015** | **2016** | **2017** | | Tổng chi (xTriệu đồng) |  |  |  | |
|  | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Ước tính tỷ lệ chi cho ATTTM chiếm bao nhiêu % trong tổng đầu tư dành cho CNTT tại đơn vị trong 3 năm gần đây? | | | | | **Chi cho ATTTM so với chi CNTT** | **2015** | **2016** | **2017** | | Tỷ lệ chi ATTTM/chi CNTT (%) |  |  |  | |
|  | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Ước tính tỷ lệ chi cho ATTTM cho các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia do đơn vị quản lý chiếm bao nhiêu % trong tổng đầu tư CNTT của đơn vị trong 3 năm gần đây? | | | | | **Chi ATTTM so với chi CNTT** cho HTTT quan trọng quốc gia | **2015** | **2016** | **2017** | | Tỷ lệ chi ATTTM/chi CNTT (%) |  |  |  | |
|  | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Ước tính chi phí chung về ATTTM năm 2017 đáp ứng bao nhiêu % nhu cầu (dự toán) của đơn vị? | | | | | **Mức đáp ứng nhu cầu chi hàng năm về ATTTM** | **2015** | **2016** | **2017** | | Tỷ lệ chi ATTTM/nhu cầu (%) |  |  |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Đơn vị đã triển khai hệ thống quản lý ATTTM (hệ thống ISMS) theo tiêu chuẩn TCVN/ISO-IEC 27000 hoặc tiêu chuẩn TCVN 11930: 2017 hay tiêu chuẩn khác chưa?  (Ghi rõ tiêu chuẩn khác là: ……………………………………….………….) |  | |
|  | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Đơn vị đã nhận chứng nhận hợp chuẩn quản lý ATTTM theo 1 trong những tiêu chuẩn trên chưa? Nếu có thì cho biết thời điểm chứng nhận đã cách thời điểm hiện tại bao nhiêu tháng theo bảng dưới đây: | | |  | | **Thời điểm hợp chuẩn** | **Lần đầu tiên** | **Lần gần đây nhất** | | Cách đây bao nhiêu tháng |  |  | |
| 1. 4 | |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Đơn vị có bao nhiêu hệ thống thông tin quan trọng quốc gia (cấp độ 5) hoặc hệ thống thông tin cấp độ 4 thuộc trách nhiệm quản lý đã nhận chứng nhận hợp chuẩn quản lý ATTTM? | | | |  | | **HTTT đã được hợp chuẩn** | **Hệ thống cấp độ 5** | **Hệ thống cấp độ 4** | **Hệ thống quan trọng quốc gia khác** | | Số lượng HTTT đã hợp chuẩn |  |  |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Đơn vị có thực hiện các biện pháp phân loại, xác định trách nhiệm về sở hữu tài sản thông tin hay không ? |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Việc quản lý cán bộ vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống của đơn vị có tuân thủ các chính sách về ATTTM hay không? |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Đơn vị có quy trình đánh giá, quản lý và xử lý rủi ro về ATTTM không? |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Đơn vị có quy trình thao tác chuẩn (Standard operating procedures) để phản ứng với các sự cố mất ATTT hay không? |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Trong quá trình triển khai dự án phát triển ứng dụng CNTT, đơn vị có thực hiện tư vấn, thẩm định, thẩm tra về ATTTM của hệ thống thông tin được xây dựng hay không? |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Tổng số lần đơn vị đã thực hiện kiểm tra đánh giá ATTTM định kỳ cho hệ thống thông tin của mình trong năm 2017 ? |  | |
| 1. 4 | |  |  | | --- | --- | | Tổng số lần đơn vị đã tổ chức hoặc trực tiếp tham gia diễn tập bảo đảm ATTTM cho hệ thống thông tin của mình trong năm 2017 ? |  | |
|  | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Với các biện pháp kỹ thuật, công nghệ phù hợp đang được đơn vị đang áp dụng để bảo đảm ATTTM cho các HTTT nội bộ và HTTT công cộng, hãy cho biết lần trang bị, cập nhật, nâng cấp hay làm mới **gần đây nhất** là cách thời điểm hiện tại bao nhiêu tháng (tính cả tháng hiện tại) ? | | | | **Các biện pháp kỹ thuật, công nghệ bảo đảm an toàn mạng được trang bị, cập nhật, nâng cấp hay làm mới gần đây nhất cách hiện nay bao nhiêu tháng** | **HTTT nội bộ** | **HTTT công cộng** | | + Hệ thống thiết bị sensor ghi log-file phát hiện sự cố và mối đe dọa ATTT đối với mạng |  |  | | + Hệ thống giám sát và quản lý sự kiện an toàn thông tin (SOC-Security Operation Center / SIEM- Security Incident & Event Management) |  |  | | + Giải pháp phân chia hệ thống mạng thành các vùng mạng chức năng với các chính sách quản lý và biện pháp kỹ thuật ATTTM phù hợp |  |  | | + Hệ thống phát hiện xâm nhập (IDS/IPS) trong mạng |  |  | | + Hệ thống phòng chống tấn công DoS/DDoS |  |  | | + Tường lửa cho toàn mạng (Network Firewall) |  |  | | + Phần mềm chống virus mức mạng (Anti-Virus) |  |  | | + Bảo vệ kênh truyền bằng công nghệ mã hóa và xác thực |  |  | | + Kiểm soát mọi kênh truy cập có bắt buộc định kỳ thay đổi mật khẩu người dùng |  |  | | + Kiểm soát mọi kênh truy cập có giải pháp hạn chế đăng nhập tự động (tấn công kiểu từ điển) và/hoặc có yêu cầu xác thực hai yếu tố người dùng |  |  | | + Bảo mật truy cập qua mạng không dây và các thiết bị đầu cuối |  |  | |
|  | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Với các biện pháp kỹ thuật, công nghệ phù hợp đang được đơn vị áp dụng để bảo vệ các hệ thống máy chủ trong các HTTT nội bộ và HTTT công cộng, hãy cho biết lần trang bị, cập nhật, nâng cấp hay làm mới **gần đây nhất** là cách thời điểm hiên tại bao nhiêu tháng (tính cả tháng hiện tại) ? | | | | **Các công nghệ, biện pháp kỹ thuật bảo vệ các hệ thống máy chủ được trang bị, cập nhật, nâng cấp hay làm mới gần đây nhất cách hiện nay bao nhiêu tháng** | **HTTT nội bộ** | **HTTT công cộng** | | + Hệ thống quản lý thu thập và phân tích log-file phát hiện sự cố và mối đe dọa ATTT |  |  | | + Hệ thống phát hiện và chống tấn công xâm nhập máy chủ (IDS/IPS) |  |  | | + Tường lửa (Firewall) cho máy chủ |  |  | | + Phần mềm chống virus mã độc (Anti-Virus) |  |  | | + Quản lý phân chia người dùng theo đặc quyền và có theo dõi phát hiện tài khoản người dùng lạ trong hệ thống |  |  | | + Quản lý truy cập và chống tấn công leo thang đặc quyền |  |  | | + Bảo mật thiết bị di động và thiết bị đầu cuối truy cập từ xa |  |  | | + Sử dụng hệ thống máy chủ dự phòng nóng (chạy song song, on-line) |  |  | | + Sử dụng hệ thống máy chủ dự trữ (dự phòng off-line) |  |  | |
|  | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Với các biện pháp kỹ thuật, công nghệ phù hợp đang được đơn vị đang áp dụng để bảo vệ các ứng dụng trong các HTTT nội bộ và HTTT công cộng, hãy cho biết lần trang bị, cập nhật, nâng cấp hay làm mới gần đây nhất là cách thời điểm hiên tại bao nhiêu tháng (tính cả tháng hiện tại) ? | | | | **Các công nghệ, biện pháp kỹ thuật phù hợp bảo vệ các ứng dụng được trang bị, cập nhật, nâng cấp hay làm mới gần đây nhất cách hiện nay bao nhiêu tháng** | **HTTT nội bộ** | **HTTT công cộng** | | + Hệ thống ghi nhật ký (log-file) các ứng dụng |  |  | | + Hệ thống quản lý và phân tích log-file |  |  | | + Quản lý truy cập có xác thực nhiều bước |  |  | | + Phần mềm chống virus mã độc (Anti-Virus) |  |  | | + Tường lửa mức ứng dụng (ví dụ web-firewall,…) |  |  | | + Lọc nội dung Web |  |  | | + Bộ lọc chống thư rác (Anti-Spam) |  |  | | + Sử dụng hệ thống máy chủ dự phòng nóng (chạy song song, on-line) |  |  | | + Sử dụng hệ thống máy chủ dự trữ (dự phòng off-line) |  |  | |
|  | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Với các biện pháp kỹ thuật, công nghệ phù hợp đang được đơn vị đang áp dụng để bảo vệ dữ liệu cho các HTTT nội bộ và HTTT công cộng, hãy cho biết lần trang bị, cập nhật, nâng cấp hay làm mới **gần đây nhất** là cách thời điểm hiên tại bao nhiêu tháng (tính cả tháng hiện tại) ? | | | | **Các biện pháp kỹ thuật, công nghệ phù hợp bảo vệ dữ liệu được trang bị, cập nhật, nâng cấp hay làm mới gần đây nhất cách hiện nay bao nhiêu tháng** | **HTTT nội bộ** | **HTTT công cộng** | | + Hệ thống giám sát tính toàn vẹn CSDL |  |  | | + Hệ thống phát hiện xâm nhập CSDL |  |  | | + Bảo vệ dữ liệu quan trọng trong hệ thống bằng công nghệ mã hóa |  |  | | + Bảo vệ dữ liệu quan trọng trong hệ thống bằng công nghệ chữ ký số |  |  | | + Hệ thống quản lý chống thất thoát dữ liệu (Data Loss protection) |  |  | | + Sử dụng hệ thống sao lưu dữ liệu dự phòng nóng (on-line back-up) |  |  | | + Sử dụng hệ thống sao lưu dữ liệu dự phòng định kỳ (off-line back-up) |  |  | |
|  | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Với các biện pháp kỹ thuật, công nghệ phù hợp đang được đơn vị áp dụng để bảo đảm an toàn về mặt vật lý cho các HTTT nội bộ và HTTT công cộng, hãy cho biết lần trang bị, cập nhật, nâng cấp hay làm mới **gần đây nhất** là cách thời điểm hiện tại bao nhiêu tháng (tính cả tháng hiện tại) ? | | | | **Các biện pháp kỹ thuật, công nghệ phù hợp bảo đảm an toàn vật lý được trang bị, cập nhật, nâng cấp hay làm mới gần đây nhất cách thời điểm hiện tại bao nhiêu tháng** | **HTTT nội bộ** | **HTTT công cộng** | | + Giải pháp lựa chọn vị trí vật lý |  |  | | + Giải pháp kiểm soát truy cập vật lý |  |  | | + Giải pháp chống trộm, chống phá hoại |  |  | | + Giải pháp chống sét |  |  | | + Hệ thống chống cháy nổ |  |  | | + Giải pháp chống ẩm và chống thấm |  |  | | + Giải pháp chống bụi và tĩnh điện |  |  | | + Giải pháp kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm |  |  | | + Hệ thống nguồn cung cấp điện dự phòng |  |  | | + Giải pháp bảo vệ điện từ trường |  |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Đơn vị có khả năng ghi nhận các hành vi tấn công (kể cả chưa thành công) vào hệ thống của mình hay không? |  | |
|  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Khi hệ thống của đơn vị gặp sự cố mất ATTTM, quý vị sẽ báo cáo/thông báo tin này đi đâu? Đánh dấu tương ứng vào các ô phù hợp trong bảng sau: | | | | | | | | | | Phản ứng | Tự xử lý, không báo cáo | Mời DN, sử dụng dịch vụ ngoài | Báo cáo cấp trên, ngành dọc | Báo và hợp tác với nhà mạng | Báo và hợp tác với đơn vị Bộ Quốc phòng | Báo và hợp tác với đơn vị  Bộ Công an | Báo và hợp tác với đơn vị Bộ TTTT | | Loại sự cố,  nguy cơ ATTTM | | Đơn vị đủ khả năng phát hiện và xử lý |  |  |  |  |  |  |  | | Đơn vị phát hiện được, chưa gây tác hại, nhưng khó xử lý |  |  |  |  |  |  |  | | Loại mới hoặc tấn công gây tác hại lớn, chưa tự xử lý được |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Từ 01/01/2017 đến hết 31/12/2017, đơn vị đã phát hiện được bao nhiêu sự cố ATTTM vào hệ thống của mình chưa gây ra thiệt hại hoặc gây ra thiệt hại nhỏ? Thống kê số vụ tấn công mạng đã xảy ra với các hệ thống thông tin do đơn vị quản lý (phân loại theo kiểu tấn công và hậu quả). | | | | | | | | | | | Số vụ tấn công mạng ít nghiêm trọng từ 01/01/2017 đến hết 31/12/2017 | Số vụ tấn công web deface hay cài Phishing | Số lần tấn công từ chối dịch vụ (DDoS) | Số vụ tấn công bằng thư điện tử (spam) | Số máy tính trạm đã bị lây nhiễm mã độc | Số lần máy chủ bị tấn công bằng mã độc | Số vụ tấn công vào lỗ hổng ATTT của HTTT | Số sự cố khác (lỗi hạ tầng, vật lý, phần mềm) | Số vụ xâm nhập mạng do ATP, lộ mật khẩu | | Số vụ đã phát hiện và ngăn chặn sớm, chưa gây ra thiệt hại |  |  |  |  |  |  |  |  | | Số vụ tấn công đã bị xâm nhập, lây nhiễm mã độc, nhưng chỉ gây ra thiệt hại nhỏ |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số vụ tấn công, mất ATTTM nghiêm trọng (gây ra hậu quả nghiêm trọng về kinh tế, gián đoạn dịch vụ mạng, lộ lọt thông tin quan trọng…) xảy ra từ 01/01/2017 đến hết 31/12/2017 | | | | | | | | | | Số vụ việc mất ATTTM nghiêm trọng xảy ra từ 01/01/2017 đến hết 31/12/2017 | Số lần tấn công từ chối dịch vụ (DDoS) | Số lần máy chủ bị tấn công bằng mã độc | Số máy tính trạm đã bị lây nhiễm mã độc | Số vụ xâm nhập mạng do ATP, lộ mật khẩu | Số vụ tấn công vào lỗ hổng ATTT của HTTT | Số vụ tấn công web deface hay cài Phishing | Số vụ tấn công bằng thư điện tử (spam-mail) | Số sự cố khác (lỗi hạ tầng, vật lý, phần mềm) | | | Tổng số vụ việc đã phát hiện, xử lý |  |  |  |  |  |  |  |  | | | Đơn vị tự xử lý, khắc phục hậu quả thành công trong vòng 24h |  |  |  |  |  |  |  |  | | | Được đơn vị khác hỗ trợ xử lý, khắc phục hậu quả thành công trong vòng 24h |  |  |  |  |  |  |  |  | | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Theo quý vị những động cơ nào được nghi ngờ là nguyên nhân gây ra những hành động tấn công ở trên? (Có thể chọn nhiều đáp án là các mục sau) | | | Nhằm thể hiện kỹ năng tấn công |  | | Phá hoại hệ thống có chủ đích |  | | Nhằm chiếm dụng tài nguyên hệ thống để dẫn tới những cuộc tấn công nặc danh |  | | Thù hằn cá nhân (ví dụ: cán bộ hoặc người ngoài có thù hằn cá nhân) |  | | Nhằm tạo lợi thế cạnh tranh thương mại (ví dụ: tình báo công nghiệp) |  | | Chiếm đoạt tài nguyên hệ thống của cơ quan để sử dụng cho mục đích cá nhân |  | | Bị tấn công từ nước ngoài do các nguyên nhân liên quan đến chủ quyền |  | | Tạo nguồn thu tài chính bất hợp pháp |  | | Nhằm chiếm dụng tài nguyên hệ thống để dẫn tới những cuộc tấn công nặc danh |  | | Thù hằn cá nhân (ví dụ: cán bộ hoặc người ngoài có thù hằn cá nhân) |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Với tình hình hiện tại thì trong thời gian tới, đối tượng đe dọa tới ATTTM của hệ thống mà quý vị lo ngại nhất là gì ? (Ghi các số 1/2/3 tương ứng với các hạng mục lo ngại nhất, nhì và ba) | | | - Cán bộ đang làm việc tại đơn vị |  | | - Cán bộ đã nghỉ việc tại đơn vị |  | | - Tội phạm máy tính như *hacker* bất hợp pháp |  | | - Đối thủ cạnh tranh (*gián điệp công nghiệp*) |  | | - Băng nhóm tội phạm máy tính có tổ chức (*khủng bố mạng* v.v…) |  | | - Doanh nghiệp gia công bên ngoài (nhân viên) Outsourcing company (employees) |  | | - Các thế lực đến từ nước ngoài |  | | - Những mối đe dọa khác (vui lòng ghi rõ): |  | |  |  | |  |  | |  |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Những vấn đề khó khăn nhất mà đơn vị gặp phải trong việc bảo đảm ATTTM cho hệ thống thông tin là gì? (Ghi các số 1/2/3/4/5 tương ứng với các hạng mục khó khăn nhất, nhì, ba, tư và năm) | | | Lãnh đạo chưa hỗ trợ đúng mức cần thiết cho ATTTM |  | | Sự thiếu hiểu biết về ATTTM trong đơn vị, thiếu cán bộ am hiểu kỹ thuật và quản lý ATTTM |  | | Việc nâng cao nhận thức và mặt bằng kiến thức cho người sử dụng máy tính về ATTTM |  | | Việc xác định chính xác mức độ ưu tiên của ATTTM trong tương quan chung với các vấn đề khác của đơn vị |  | | Việc áp dụng các nguyên tắc quản lý rủi ro (Risk Management principles) cho hệ thống thông tin |  | | Việc cập nhật kịp thời những cách thức tấn công hay những những điểm yếu mới xuất hiện |  | | Việc giám sát phát hiện, cảnh báo sớm các cuộc tấn công mạng |  | | Không đủ khả năng phản ứng nhanh và xử lý chính xác khi xảy ra những vụ tấn công qua mạng |  | | Việc quản lý chặt chẽ cấu hình hệ thống mạng (Configuration Management) |  | | Những hệ thống máy tính không được quản lý tốt |  | | Kinh phí/ngân sách dành cho ATTTM quá thiếu so với mặt bằng chung |  | | Các vấn đề khác (Nếu có thì vui lòng ghi rõ): |  | |  |  | |  |  | |  |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Số lần đơn vị đã rút kinh nghiệm bài học khắc phục sự cố dẫn đến việc thay đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định, quy chế ứng cứu sự cố và bảo đảm ATTTM trong năm 2017 |  | |
|  | |  |  | | --- | --- | | Đơn vị có sử dụng chữ ký số để bảo đảm an toàn cho các giao dịch điện tử hay không? |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lãnh đạo đơn vị**  (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) |  | **Người lập bản khảo sát**  Họ tên:……………………………….......  Điện thoại:………………………….........  Email:………………………………........ |

*Báo cáo đã điền đầy đủ nội dung xin gửi Trung tâm Công nghệ Thông tin để tổng hợp, sau đó gửi về Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông, địa chỉ: tầng 8, số 115 Trần Duy Hưng, Hà Nội.*